

Giám sát an toàn tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam

PGS.TS. HOÀNG TRẦN HẬU

Trường Đại học Tài chính – Marketing

THS. NGUYỄN TIẾN HÙNG

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

Sau khi Luật Kinh doanh bảo hiểm (KDBH) có hiệu lực (01/4/2001), thị trường bảo hiểm VN đã thực sự khởi sắc, phát huy vai trò “lá chắn kinh tế” trong việc góp phần giảm thiểu rủi ro trong sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, từng bước đáp ứng được yêu cầu phát triển và ổn định nền kinh tế, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) trong thời gian qua vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như quy mô thị trường còn nhỏ, vốn kinh doanh của các DNBH còn hạn chế, khả năng khai thác và mở rộng thị trường còn yếu, hoạt động của các DNBH trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty (TĐKT, TCT) còn tiềm tàng nhiều rủi ro. Bài viết này trình bày những phân tích về thể chế của Nhà nước liên quan đến hoạt động giám sát an toàn tài chính đối với các DNBH ở VN với mục đích đưa ra một số gợi ý về chính sách đối với cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm.

Từ khóa: Luật Kinh doanh bảo hiểm, thị trường bảo hiểm VN, doanh nghiệp bảo hiểm, hoạt động giám sát, an toàn tài chính.

1. Nội dung giám sát tài chính đối với các DNBH trong hệ thống thể chế hiện hành

Theo Điều 120, Chương VII, Luật KDBH, nội dung quản lý, giám sát của Nhà nước đối với TTBH bao gồm khá nhiều khía cạnh, trong đó quy định rõ: “d) Áp dụng các biện pháp cần thiết để DNBH bảo đảm các yêu cầu về tài chính và thực hiện cam kết với bên mua bảo hiểm”¹.

Những nội dung chính của giám sát tài chính của Nhà nước đối với DNBH bảo hiểm là giám sát hoạt

Hộp 1: Mức vốn pháp định theo pháp luật hiện hành

- (1) DNBH phi nhân thọ: 300 tỷ đồng;
- (2) Doanh nghiệp chỉ kinh doanh loại hình bảo hiểm sức khỏe: 300 tỷ đồng;
- (3) DNKDBH nhân thọ: 600 tỷ đồng;
- (4) Chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài: 200 tỷ đồng;
- (5) Doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm: Kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm sức khỏe hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 400 tỷ đồng; Kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ hoặc cả hai loại hình tái bảo hiểm nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 700 tỷ đồng; Kinh doanh cả 3 loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe: 1.100 tỷ đồng;
- (6) Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: 4 tỷ đồng. Đối với trường hợp kinh doanh đồng thời cả môi giới bảo hiểm gốc và môi giới tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải bổ sung vốn điều lệ đã góp cao hơn mức vốn pháp định là 4 tỷ đồng.
- (7) Trường hợp muốn mở rộng nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động ngoài các nội dung, phạm vi và địa bàn hoạt động quy định, các DNBH phải bổ sung vốn điều lệ cao hơn mức vốn pháp định tùy trường hợp là 10 tỷ đồng, 50 tỷ đồng,....;

¹ Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010

động của DNBH từ trước khi bắt đầu hoạt động, trong quá trình hoạt động, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp và xử lý các vi phạm, gồm:

1.1. Kiểm tra các tiêu chuẩn, điều kiện về tài chính cho hoạt động KDBH

Pháp luật về KDBH VN hiện nay đã cụ thể hoá điều kiện tối thiểu về mặt tài chính cho việc cấp giấy phép, đó là: số vốn điều lệ đã góp hoặc vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ (Hộp 1).

1.2. Quản lý, giám sát trong quá trình hoạt động

1.2.1. Khả năng thanh toán

Theo pháp luật về KDBH tại VN hiện nay, một DNBH được coi là đủ khả năng thanh toán khi đã trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu. Biên khả năng thanh toán là khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả của DNBH tại thời điểm xác định khả năng thanh toán. Theo Thông tư 125/2012-BTC, khi xác định biên thanh toán, tùy thuộc vào tính thanh khoản của từng loại tài sản hay khoản phải thu mà được tính toàn bộ hay loại trừ một phần (theo tỷ lệ %) hoặc loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của các DNBH VN hiện nay được quy định chi tiết tại Điều 15 TT 125/2012 cho từng lĩnh vực hoạt động của các DNBH (Hộp 2).

Trong hệ thống chỉ tiêu giám sát DNBH (ban hành kèm theo Quyết định số 153/2003/QĐ- BTC ngày 22/9/2003) - công cụ hỗ trợ cơ quan quản lý bảo hiểm theo dõi, kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh, việc chấp hành các chính sách,

Hộp 2: Biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định hiện hành của pháp luật VN

"1. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của DNBH phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài:

a) Biên khả năng thanh toán tối thiểu của DNBH phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài là số lớn hơn của các kết quả tính toán sau:

- 25% tổng phí bảo hiểm giữ lại tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán;

- 12,5% của tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm tại thời điểm tính biên khả năng thanh toán.

b) Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhượng tái bảo hiểm không đáp ứng điều kiện về nhượng tái bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính thì biên khả năng thanh toán tối thiểu được tính bằng 100% số phí bảo hiểm gốc của những hợp đồng bảo hiểm đó.

2. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của DNBH nhân thọ:

a) Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thời hạn năm (05) năm trở xuống bằng tổng của 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và 0,1% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro;

b) Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thời hạn trên năm (05) năm bằng tổng của 4% dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và 0,3% số tiền bảo hiểm chịu rủi ro.

Số tiền bảo hiểm chịu rủi ro là phần chênh lệch giữa tổng số tiền bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và tổng dự phòng nghiệp vụ.

3. Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp tái bảo hiểm:

a) Đối với doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe, biên khả năng thanh toán tối thiểu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm nhân thọ, biên khả năng thanh toán tối thiểu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Đối với doanh nghiệp kinh doanh cả ba loại hình tái bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm phi nhân thọ và tái bảo hiểm sức khỏe, biên khả năng thanh toán tối thiểu bằng tổng biên khả năng thanh toán tối thiểu đối với từng loại hình nghiệp vụ kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b, khoản 3 Điều này."

pháp luật Nhà nước của DNBH, liên quan trực tiếp đến khả năng thanh toán có các loại: chỉ tiêu khả năng thanh toán; chỉ tiêu nguồn vốn; quỹ điều chỉnh trên tổng công nợ; chỉ tiêu thanh khoản; chỉ tiêu nợ phí trên nguồn vốn, quỹ.

Khi khả năng thanh toán không được đảm bảo, DNBH phải lập và báo cáo ngay với Bộ Tài chính phương án tài chính để bổ sung phần thiếu hụt. Phương án tài chính phải được thực hiện trong 90 ngày kể từ ngày phát hiện có sự thiếu hụt khả năng thanh toán. Trường hợp không khôi phục được khả năng thanh toán theo quy định, DNBH phải chịu sự giám sát đặc biệt của Ban kiểm soát khả năng thanh toán hoặc bị hạn chế phạm vi, lĩnh vực

hoạt động, bị đình chỉ hoạt động, phải chuyển giao hợp đồng bảo hiểm ...cho đến khi khả năng thanh toán của doanh nghiệp được khôi phục.

1.2.2 Dự phòng nghiệp vụ (DPNV)

Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm ở VN hiện nay quy định về các loại DPNV như sau:

- Đối với DNKDBH phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, chi nhánh nước ngoài hoặc doanh nghiệp tái bảo hiểm phi nhân thọ (sức khỏe), gồm có: a) DP phí chưa được hưởng; b) DP bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết; c) DP bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất;

- Đối với DNKDBH nhân thọ,

doanh nghiệp tái bảo hiểm nhân thọ, gồm có: a) DP toán học; b) DP phí chưa được hưởng; c) DP bồi thường; d) DP chia lãi; e) DP bảo đảm cân đối; f) Các loại DP áp dụng riêng cho loại hình bảo hiểm liên kết đầu tư và hưu trí;

Mỗi loại DPNV có nhiều phương pháp trích lập. Đối với DP phí chưa được hưởng là các phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm (%), trích lập theo hệ số 1/8 hoặc 1/24 hoặc 1/365; đối với DP bồi thường là các phương pháp thống kê, theo từng hồ sơ, theo nhịp độ bồi thường. Trong bảo hiểm nhân thọ, DP toán học có thể áp dụng phương pháp DP phí thuần hoặc DP

DNBH phải đề nghị và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi áp dụng.

Trong hệ thống chỉ tiêu giám sát DNBH, liên quan đến DPNV có các loại như là chỉ tiêu DP bồi thường trên phí bảo hiểm được hưởng; chỉ tiêu thay đổi DP,... cũng là những căn cứ cho việc kiểm tra, giám sát của quản lý nhà nước.

1.2.3. Hoạt động đầu tư

Ở VN hiện nay, quản lý nhà nước tập trung vào việc xác định hợp lý lượng vốn nhàn rỗi mà DNBH có thể sử dụng để đầu tư, phạm vi và cơ cấu danh mục đầu tư nguồn từ nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn nhàn rỗi từ DPNV và

các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn được ban hành nhằm điều chỉnh, giám sát an toàn tài chính của các DNBH: Nghị định 46/2007/NĐ-CP quy định chế độ tài chính đối với DNBH và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; Thông tư 156/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP; Thông tư 86/2009/TT-BTC ngày 28/4/2009 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 155/2007/TT-BTC và Thông tư 156/2007/TT-BTC, Nghị định 123/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH và sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2007/NĐ-CP ngày 27/03/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KDBH; Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ và Nghị định số 123/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ; Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 hướng dẫn chế độ tài chính đối với DNBH, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài; Nghị định số 41/2009/NĐ-CP ngày 05/5/2009 thay thế Nghị định 118/2003/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực KDBH; Bộ Tài chính ban hành Thông tư 03/2010/TT-BTC ngày 12/01/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2009/NĐ-CP; Luật sửa đổi bổ sung Luật KDBH năm 2010; Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 15/2/2012 của Thủ Tướng Chính Phủ về Chiến lược

Hộp 3: Quy định về đầu tư vốn nhàn rỗi từ DPNV

- a) Đối với DNBH phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài
- Mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng không hạn chế;
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào doanh nghiệp khác tối đa 35% vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ.
 - Kinh doanh bất động sản, cho vay, uỷ thác đầu tư qua các tổ chức tài chính - tín dụng tối đa 20% vốn nhàn rỗi từ DPNV.
- b) Đối với DNBH nhân thọ
- Mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh không hạn chế.
 - Mua cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn vào các doanh nghiệp khác tối đa 50% vốn nhàn rỗi từ DPNV.
 - Kinh doanh bất động sản, cho vay, uỷ thác đầu tư qua các tổ chức tài chính tín dụng tối đa 40% vốn nhàn rỗi từ DPNV.

phí Zillmerized,... DNBH phải tùy thuộc vào đặc tính của loại nghiệp vụ, các điều kiện mọi mặt về trình độ công nghệ bảo hiểm để lựa chọn phương pháp thích hợp. Về phía quản lý nhà nước phải giám sát việc DNBH áp dụng, thay đổi phương pháp trích lập mà doanh nghiệp đã đăng ký. DNBH không được thay đổi phương pháp trích lập DPNV trong năm tài chính. Trong trường hợp thay đổi phương pháp trích lập DPNV cho năm tài chính kế tiếp,

các nguồn hợp pháp khác (Hộp 3).

Trong hệ thống chỉ tiêu giám sát doanh nghiệp bảo hiểm liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư có các chỉ tiêu: chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận đầu tư tài sản, chỉ tiêu thay đổi cơ cấu tài sản, chỉ tiêu tỷ lệ đầu tư vào các công ty liên kết.

2. Thực tế hoạt động giám sát tài chính đối với các DNBH

2.1. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy phạm pháp luật

Trong những năm qua hàng loạt

phát triển TTBH VN giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 2330/QĐ-BTC của Bộ trưởng Tài chính ngày 18/9/2012 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp phát triển TTBH VN giai đoạn 2011-2015.

Với hệ thống văn bản pháp luật như trên, pháp luật về KDBH ở VN được xây dựng trên nền tảng cơ sở Bộ Luật dân sự và đang trong quá trình hoàn thiện. Mặt khác, hoạt động KDBH có những tình huống, sự vụ phát sinh liên quan đồng thời đến các quy định của nhiều văn bản pháp luật của VN và có thể có cả các nguồn luật nước ngoài, quốc tế. Trong trường hợp đó, việc viện dẫn, vận dụng buộc phải tuân theo nguyên tắc chung về trình tự áp dụng các nguồn luật.

2.2. Kiểm tra các tiêu chuẩn, điều kiện hoạt động

Về vốn điều lệ:

Theo Thông tư 156/2007/TT-BTC và hiện nay là Thông tư 125/2012/TT-BTC, vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết đóng góp trong 1 thời hạn nhất định, vốn điều lệ đã góp là số vốn do chủ sở hữu thực góp và không phải là vốn vay. Các giao dịch $\geq 10\%$ vốn điều lệ thực góp phải được Bộ Tài chính chấp thuận. Vốn điều lệ của DNBH cổ phần phải đảm bảo cơ cấu: Cổ đông cá nhân $\leq 10\%$; cổ đông tổ chức $\leq 20\%$; cổ đông sáng lập $\geq 50\%$ vốn điều lệ khi thành lập. Nếu vốn điều lệ đã góp bằng vốn pháp định, DNBH chỉ được thành lập tối đa 20 chi nhánh/ văn phòng đại diện; nếu muốn thành lập thêm 01 chi nhánh/ văn phòng đại diện, DNBH phải tăng vốn thêm 10 tỷ VND. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, nếu muốn kinh

Bảng 1: Vốn chủ sở hữu của các DNBH nhân thọ VN

Doanh nghiệp	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)						Tăng trưởng
	2006	2007	2008	2009	2010	2011	
Bảo Việt	760	1.565	1517	1547	1.581	2.082	31,7%
Prudential	1.405	2.304	3.009	2.963	3.308	3.592	8,6%
Manulife	478	907	908	1.041	1.117	1.244	11,4%
AIA	110	193	671	743	920	970	5,4%
Dai-ichi	9	196	987	1021	1.057	1.147	8,5%
ACE Life	164	288	318	394	778	899	15,6%
Prevoir	89	131	510	510	624	640	2,6%
GE			589	784	763	743	-2,6%
Cathay			993	988	972	905	-6,9%
VCLI			600	648	625	651	4,2%
Korea			1011	975	919	864	-6,0%
Fubon						799	
Generali						628	
Aviva						828	
Tổng số	3.015	5.584	11.113	11.614	12.664	15.992	26,3%

Nguồn: Cục Quản lý giám sát bảo hiểm

doanh bảo hiểm hàng không, dầu khí, vệ tinh phải có vốn điều lệ lớn hơn vốn pháp định 50 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trên thực tế, có những doanh nghiệp bảo hiểm chưa góp vốn điều lệ đủ bằng vốn pháp định đã đi vào hoạt động hoặc không góp đủ vốn điều lệ theo cam kết trong hồ sơ tăng vốn; nhiều cổ đông vay tiền ngân hàng để góp vốn điều lệ; một số doanh nghiệp bảo hiểm chưa có đủ số vốn đã mở các văn phòng đại diện hoặc chi nhánh,...

Theo kiểm tra của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, năm 2011 vẫn còn 6 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ vốn điều lệ đã góp chưa đủ mức vốn pháp định là 300 tỷ đồng. Đó là các Công ty bảo hiểm Samsung Vina, QBE, UIC, Bảo Tín, Bảo Long, Hùng Vương. Một số doanh nghiệp bảo hiểm đã góp đủ 300 tỷ đồng nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về cơ cấu vốn điều lệ theo quy định.

Bốn doanh nghiệp bảo hiểm có cổ đông là tổ chức sở hữu vốn góp vượt quá 20% vốn điều lệ là PVI, PJICO, PTI và GIC. Công ty bảo hiểm AAA có cổ đông là cá nhân sở hữu cổ phần vượt quá 10% vốn điều lệ. Một số doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ như PJICO, PTI, VASS,... có vốn điều lệ chưa đáp ứng quy mô hoạt động.²

2.3. Quản lý, giám sát trong quá trình hoạt động

2.3.1. Khả năng thanh toán

Việc xác định biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP và Thông tư 125/2012/TT-BTC có nhiều điểm chặt chẽ hơn so với trước đây. Trong thời gian qua hầu hết các doanh nghiệp

² Hoàng Trần Hậu – Hoàng Mạnh Cừ, (2011), *Đề tài khoa học "Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm ở VN"*, Học viện Tài chính.

Bảng 2: Khả năng thanh toán của các DNBH nhân thọ

Doanh nghiệp	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với biên tối thiểu	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với biên tối thiểu	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với biên tối thiểu	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với biên tối thiểu	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ so với biên tối thiểu
Bảo Việt	758	135%	999	160%	980	140%	1.086	143%		
Prudential	2.299	336%	2.157	221%	2.356	152%	2.506	175%		
Manulife	907	615%	725	198%	877	220%	904	209%	989	209%
AIA life	193	209%	117	267%	656	251%	836	270%	885	242%
DAIICHI	196	363%	900	1155%	928	807%	975	498%	1,058	361%
ACE	288	903%	295	465%	359	354%	734	454%	843	378%
PREVOIR	309	6728%	500	6921%	498	4398%	610	4433%		
G.E			580	3406072%	773	107191%	754	72015%	727	699%
Cathay			972	204268%	960	31814%	940	13873%		
VCLI					646	4036474%	621	45503%	627	12178%
Korea					953	35586%	891	8701%	824	4120%
Fubon									785	682609%

Nguồn: Cục Quản lý giám sát bảo hiểm

bảo hiểm đều đảm bảo quy định về khả năng thanh toán.

Tuy nhiên, kết quả giám sát trong quá khứ vẫn có những DNBH trong lĩnh vực phi nhân thọ không đáp ứng được yêu cầu này. Năm 2009, theo báo cáo của Cục, Công ty bảo hiểm Liberty có biên khả năng thanh toán tối thiểu là 5,29% thấp hơn theo quy định. Lý do Liberty không đảm bảo khả năng thanh toán là do năm 2009 Công ty này bị lỗ 182 tỷ đồng, đưa tổng số lỗ lũy kế đến 31/12/2009 lên đến 299 tỷ đồng, trong khi số vốn điều lệ đã góp của Liberty là 321 tỷ đồng. Liberty đã có hồ sơ tăng vốn điều lệ thêm 400 tỷ đồng nhằm đảm bảo khả năng thanh toán. Ngoài Liberty, có 2 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có biên khả năng thanh toán tối thiểu (năm 2009) cao hơn không đáng kể so với quy định. Đó là Bảo Việt: 25,3%; PJICO: 25,46%. Bảo Việt đã có kế hoạch tăng vốn thêm 500 tỷ đồng, PJICO tăng thêm gần 200 tỷ đồng trong năm

2010.

Biên khả năng thanh toán thực sự của các DNBH VN hiện nay là câu hỏi lớn vì việc quy định chi tiết giá trị theo tính thanh khoản của tài sản (và các khoản phải thu) đảm bảo khả năng thanh toán chỉ mới được ban hành vào cuối năm 2012 (TT125/2012/TT-BTC), Hơn nữa, trong vài năm gần đây, sự biến động theo chiều hướng xấu của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường vàng làm thay đổi khôn lường giá trị của các tài sản mà DNBH đang nắm giữ cũng như giá trị các khoản nợ phải trả của các DNBH (trường hợp VASS).

2.3.2. Dự phòng nghiệp vụ

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ vẫn còn tình trạng DNBH trích lập DPNV không đủ. Chẳng hạn năm 2009, trong số 4 DNBH kiểm tra, Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm phát hiện 2 doanh nghiệp trích thiếu DP bồi thường là 1,72 tỷ đồng.

Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân

thọ, nhiều doanh nghiệp trích thiếu DP toán học, DP phí, DP đảm bảo cân đối, DP đối với hợp đồng bảo hiểm liên kết đầu tư. Tuy nhiên, có những DNBH trích lập tăng dự phòng không đúng chế độ: Trích lập cả DP trả tiền bảo hiểm đối với các hồ sơ đã từ chối trả tiền, số DP trích lập tăng đến hàng chục tỷ đồng. Sai phạm này dẫn đến những sai sót trong công tác hạch toán kế toán.

2.3.3. Hoạt động đầu tư tài chính

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, hoạt động đầu tư chưa được chuyên môn hóa nên có nhiều sai phạm liên quan như: Phàn tiền từ dự phòng nghiệp vụ dùng để đầu tư quá lớn do không chấp hành đúng quy định đảm bảo nguồn tiền dùng để bồi thường, trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ³; chấp hành không đúng quy định về tỷ lệ đầu tư tiền nhàn rỗi vào các danh mục mua

³ Theo Nghị định 46/2007/NĐ-CP là không thấp hơn 25% tổng DPNV

cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh, góp vốn, kinh doanh bất động sản,... cao hơn quy định. Việc hạch toán đầu tư cũng chưa đảm bảo rõ ràng giữa các nguồn (chủ sở hữu, quỹ dự phòng nghiệp vụ,...)

Theo Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, các vi phạm đối với các DNBH nhân thọ phổ biến là: Cho vay nhưng hết thời hạn chưa thu hồi được khoản vay; ủy thác cho công ty quản lý quỹ đầu tư nhưng việc theo dõi hợp đồng ủy thác chưa tốt; thậm trí các khoản lãi vay và lãi chậm trả cuối năm không được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, chỉ riêng năm 2009, đã lên tới hàng chục tỷ đồng.

3. Đánh giá khái quát hoạt động giám sát an toàn tài chính của Nhà nước đối với DNBH hiện nay

3.1. Những điểm tích cực

- Hệ thống luật pháp ngày càng được hoàn thiện: Cho đến nay, về cơ bản các văn bản pháp luật về kinh doanh bảo hiểm đã được xây dựng và ban hành. Hệ thống các văn bản pháp quy này là công cụ quan trọng giúp cho việc quản lý, giám sát thị TTBH phát triển an toàn, lành mạnh và hiệu quả;

- Phương thức quản lý, giám sát được đổi mới theo hướng hoạt động quản lý giám sát được thực hiện theo phương thức hạn chế dần sự can thiệp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc thực hiện thực thi pháp luật. Việc giám sát của Nhà nước dựa trên các chỉ tiêu tài chính, kinh tế khách quan, chú trọng bảo đảm khả năng thanh toán của DNBH, bảo

vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tham gia bảo hiểm;

- Năng lực quản lý, giám sát và trình độ cán bộ, công chức quản lý đã được nâng cao thể hiện: Thực hiện các quy định pháp luật trong hoạt động KDBH; công tác quản lý, giám sát đã chú trọng đến điều kiện hoạt động, khả năng tài chính của các DNBH; khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong hoạt động KDBH hoạt động đầu tư; bảo đảm khả năng thanh toán của DNBH; từng bước áp dụng các chuẩn mực quản lý quốc tế về KDBH nhằm duy trì TTBH phát triển lành mạnh và ổn định;

- Năng lực tổ chức, cán bộ và bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về KDBH đã được củng cố, nâng cao, tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển lâu dài và lành mạnh của thị trường.

3.2. Những vấn đề cần giải quyết

- Hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm còn thiếu và chưa đồng bộ. Việc phối hợp triển khai, hướng dẫn thực hiện các văn bản còn rất tản mạn, rời rạc. Nhiều văn bản pháp lý còn nhiều bất cập nhưng không được sửa đổi, hoàn thiện kịp thời. Những “lỗ hổng” trong hệ thống quy phạm pháp luật về giám sát tài chính được nhận thấy ở việc xử lý quan hệ tài chính giữa các DNBH được sở hữu chi phối bởi các tập đoàn, tổng công ty (tài chính hoặc phi tài chính). Lỗ hổng này tạo ra những rủi ro tiềm tàng trong việc kiểm soát luồng vốn, thu nhập giữa công ty mẹ - công ty con.

- Việc giám sát an toàn tài chính hiện nay chủ yếu dựa vào biên khả năng thanh toán của DNBH mà chưa tính đến các rủi ro trong quá trình hoạt động của

chính doanh nghiệp đó (rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro kinh doanh...). Việc đồng hạng về mức vốn áp dụng chung cho tất cả các DNBH trong cùng lĩnh vực không tính đến đầy đủ các loại rủi ro cũng là sự tiềm ẩn rủi ro khi các DNBH ngày càng hoạt động đa dạng và quy mô tăng lên.

- Quy định sở hữu vốn của các tổ chức, cá nhân trong DNBH hiện nay còn thiếu nhất quán giữa văn bản pháp quy với thực tiễn. Theo quy định việc sở hữu vốn của cổ đông cá nhân $\leq 10\%$ cổ đông tổ chức $\leq 20\%$. Trên thực tế, Tập đoàn Bảo Việt đối với Bảo hiểm Bảo Việt, Bảo Việt Nhân thọ; PVN đối với PVI, Tập đoàn Xuân Thành đối với Bảo hiểm Xuân Thành; AGRIBANK đối với ABIC,...đều có tỷ lệ sở hữu cao hơn quy định. Mặt khác đối với các DNBH thuộc các tập đoàn, do quy định về mô hình TĐKT, về quan hệ giữa các thành viên trong TĐKT chưa thật cụ thể, rõ ràng nên sự phối hợp giữa công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con ở hầu hết các tập đoàn chưa hiệu quả. Hiện trạng này là tiềm tàng rủi ro trong việc quản lý luồng vốn nhân rồi từ quỹ DPNV (thực chất là các khoản nợ của DNBH đối với khách hàng) là chưa chặt chẽ. Đặc biệt là sự yếu kém của các TĐKT, TCT như hiện nay rất có thể sẽ kéo theo những hệ quả xấu đối với các DNBH thành viên.

4. Những định hướng tăng cường năng lực cho hệ thống giám sát an toàn tài chính đối với các DNBH trong thời gian tới

Vấn đề quản lý tài chính cần đặc biệt chú ý không chỉ bởi đặc

thù rủi ro trong hoạt động KDBH mà còn vì: Sự non trẻ của phần lớn các DNBH trên TTBH VN trong mặt bằng chung của thị trường quốc tế; xu hướng phát triển các dịch vụ tài chính mới rất phức tạp như: bảo hiểm liên kết đầu tư, các công cụ phái sinh,...; sự hình thành các dạng tập đoàn tài chính - bảo hiểm với cấu trúc tài chính phức tạp hơn và hàng loạt những yếu tố khác....

4.1. Hoàn thiện quy định về giám sát khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm

Nghị định số 46/2007/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn thực hiện có quy định: Doanh nghiệp bảo hiểm được coi là đủ khả năng thanh toán khi đã trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ và có biên khả năng thanh toán không thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu. Đối với các hợp đồng bảo hiểm nhượng tái bảo hiểm không đáp ứng điều kiện về nhượng tái bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính thì biên khả năng thanh toán tối thiểu được tính bằng 100% số phí bảo hiểm gốc. Các tài sản khi tính biên khả năng thanh toán được tính đến rủi ro thanh khoản qua cách phân tách thành 3 loại: các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán; các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán; các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán.

Như vậy, phương pháp tính này có tính đến một số loại rủi ro cần vốn chống đỡ như rủi ro tài sản, rủi ro tái bảo hiểm. Tuy nhiên, có những rủi ro rất nguy hiểm như rủi ro chấp nhận bảo hiểm (gốc) thì chưa bao quát được. Cách tính toán tiến hành trên toàn bộ lượng phí bảo hiểm

giữ lại không tính đến mức độ rủi ro đặc thù của nghiệp vụ này hay nghiệp vụ khác, cũng không xem xét đến mức phí mà nhà bảo hiểm đưa ra đã hợp lý chưa. Nếu một DNBH định phí thấp thì về mức tối thiểu theo yêu cầu về biên khả năng thanh toán tối thiểu của họ cũng thấp đi trong khi mức độ rủi ro bảo hiểm đó lại tăng lên. Như vậy, các nhân tố đưa vào tính toán không chỉ có yếu tố rủi ro về tài sản đảm bảo khả năng thanh toán (dùng xác định biên khả năng thanh toán) mà còn phải tính đến có các rủi ro khác (rủi ro nghiệp vụ, rủi ro thị trường và rủi ro kinh doanh).⁴

4.2. Nghiên cứu mô hình giám sát mức vốn yêu cầu theo rủi ro của từng doanh nghiệp

Ngoài quỹ DPNV (trích lập từ phí bảo hiểm), DNBH cần phải mức vốn cần thiết không chỉ đảm bảo cho khả năng thanh toán trong điều kiện bình thường mà còn có thể tiếp tục hoạt động trong tình huống đặc biệt bất lợi xảy ra. Điều này ở VN chỉ dừng lại ở mức vốn điều lệ đã góp mà tối thiểu bằng vốn pháp định được đánh giá là “quá bé” cho một định chế tài chính trung gian như DNBH và áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (phi nhân thọ: 300 tỷ VNĐ, nhân thọ: 600 tỷ VNĐ).⁷

4.3. Đối với hoạt động đầu tư

Ở cấp độ một tổ chức, rủi ro đầu tư sẽ trực tiếp liên quan đến việc quản lý đầu tư. Các quyết định phân bổ vốn cho các danh mục đầu tư, việc quản lý hoạt

động đầu tư của tổ chức có thể sai sót, lệch lạc khiến cơ cấu danh mục đầu tư không thích hợp, đánh giá quá cao tài sản, tập trung quá mức vào loại khoản mục đầu tư nào đó. Nghị định 46/2007/NĐ-CP mới chỉ quy định những hạn chế về tỷ lệ vốn đầu tư tối đa đối với từng danh mục mà chưa có các quy định khống chế tỷ lệ đầu tư cụ thể đối với từng loại tài sản đầu tư như: tỷ lệ hay mức đầu tư cổ phiếu không bảo lãnh tại một doanh nghiệp, đối với mỗi lần phát hành, đối với mỗi loại, hoặc tỷ lệ hay mức cho vay tối đa đối với một khách hàng... Thậm chí đối với bảo hiểm nhân thọ, tỷ lệ đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh được phép tới 50% vốn nhàn rỗi từ DPNV. Nghị định 46/2007/NĐ-CP cũng chưa có các quy định phân biệt giữa trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp được niêm yết, mua bán trên thị trường chứng khoán và trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp mua bán trên thị trường không chính thức. Như vậy, nếu chỉ tuân theo các quy định trên, DNBH có thể sẽ không thực hiện được triệt để nguyên tắc phân chia, đồng thời cũng không đảm bảo được nguyên tắc phân tán rủi ro trong đầu tư.

Trong thời gian tới, nên có quy định tổng số vốn đầu tư vào mỗi nơi, mỗi đối tượng, mỗi lần phát hành cổ phiếu, trái phiếu công ty,... không được vượt quá một giới hạn nào đó cho từng danh mục đầu tư. Chẳng hạn, tỷ lệ vốn đầu tư vào một đối tượng trong danh mục kinh doanh bất động sản, góp vốn không được vượt quá 10% tổng vốn được phép đầu tư; mua cổ phiếu, trái phiếu công

⁴ Nguyễn Tiến Hùng, Võ Đình Trí, Giám sát an toàn tài chính đối với DNBH: Mô hình các thị trường phát triển của thế giới và vấn đề vận dụng ở VN, Tạp chí *Tài chính - Marketing*;

ty, cho vay tối đa là 5%,... Ngay cả danh mục tiền gửi, mặc dù cho phép đầu tư không hạn chế, song số tiền gửi vào mỗi Ngân hàng, tổ chức tài chính,... cũng không được vượt quá một tỷ lệ nào đó.

4.4. Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu giám sát tài chính DNBH

Hiệu quả giám sát phụ thuộc vào tính hợp lý của các chỉ tiêu sử dụng, tiêu chuẩn so sánh, đối chiếu và chất lượng thông tin (dữ liệu đầu vào của việc tính toán, phân tích các chỉ tiêu đánh giá tài chính doanh nghiệp). Vấn đề này liên quan tới độ chuẩn mực và thống nhất trong lập, trình bày hệ thống báo cáo tài chính và tài liệu kế toán - tài chính khác của các DNBH. Hiệu quả giám sát tài chính sẽ là không như mong muốn nếu chỉ tiêu không phù hợp hoặc sự không tương thích giữa cách tính chuẩn so sánh và chỉ tiêu sử dụng do sự không tương thích về chế độ kế toán, cấu trúc hệ thống báo cáo tài chính,... và cả các yếu tố chủ quan như trình độ, kinh nghiệm của nhân viên tài chính/ kế toán của DNBH, kiểm toán viên khiến chất lượng thông tin không đủ độ tin cậy.

4.5. Hoàn thiện chế độ kế toán và quản lý DPNV

Từ năm 2002 đến nay, chế độ kế toán VN đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là việc áp dụng các chuẩn mực kế toán dựa trên các chuẩn mực kế toán quốc tế. Đối với Chế độ kế toán cho DNBH, chuẩn mực kế toán số 19-Hợp đồng bảo hiểm dựa trên chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế số 4 đã được ban hành và có hiệu lực nhưng chưa có hướng dẫn và hầu hết các DNBH không áp dụng.

Điều đáng chú ý là trong

thông lệ kế toán VN, có một số vấn đề chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế như:

- Vấn đề trích lập và trình bày DP dao động lớn. Chuẩn mực kế toán số 19 không cho phép các DNBH trích lập DP dao động lớn nhưng quy định quản lý tài chính đối với DNBH ở VN lại yêu cầu DNBH phải trích lập DP dao động lớn.

- Không trình bày phân thuộc trách nhiệm doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm về DP phí và DP bồi thường. Vấn đề này được quy định trong Nghị định số 46/2007: “Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ phải trích lập DPNV theo từng nghiệp vụ bảo hiểm đối với phân trách nhiệm giữ lại của doanh nghiệp”. Trong mọi trường hợp, DNBH là người chịu trách nhiệm toàn bộ cam kết của hợp đồng bảo hiểm gốc trước khách hàng. Như vậy, rủi ro phá sản của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm hoặc không thu hồi được từ doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm trong trường hợp DNBH quá phụ thuộc vào tái bảo hiểm sẽ khiến cho DNBH có thể rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Các chỉ tiêu liên quan đến DPNV (DPNV/Tài sản thanh khoản; DPNV/Phí bảo hiểm giữ lại; DPNV/Nguồn vốn, quỹ) thuộc nhóm các chỉ tiêu phân tích quan trọng nhất trong giám sát tài chính ở nhiều nước, nhưng ở nước ta hiện nay cũng bộc lộ bất cập. DPNV sử dụng trong tính toán các chỉ tiêu liên quan đến DPNV theo thông lệ quốc tế là DPNV chưa trừ đi phân trách nhiệm đã tái bảo hiểm, nhưng ở VN, DP được trình bày và trích lập trên cơ sở trách nhiệm giữ lại nên không phù hợp các tiêu

chuẩn quốc tế.

Để giải quyết những vướng mắc trên, các giải pháp tương ứng là :

- Đối với vấn đề trích lập DP dao động lớn: Phương án là cho phép DNBH trích lập DP dao động lớn như quy định hiện tại song trình bày trên báo cáo tài chính như một phần của vốn chủ sở hữu. Bản chất của quỹ DP dao động lớn là nhằm ổn định tình hình tài chính của DNBH, không gắn với các trách nhiệm bảo hiểm cụ thể nên nó có tính chất như một khoản vốn chủ sở hữu của DNBH. Nhiều quốc gia cũng đã thực hiện theo cách này khi áp dụng chuẩn mực hợp đồng bảo hiểm.

- Đối với các chỉ tiêu liên quan đến DPNV: a) Phương án là yêu cầu các DNBH trình bày riêng biệt DP gộp và DP thuộc trách nhiệm tái bảo hiểm để tính toán đúng các tỷ số. Các tỷ số tài chính khác cũng cần được tính toán cho tất cả các doanh nghiệp trên thị trường để có sự điều chỉnh so với các tiêu chuẩn so sánh quốc tế; b) Hoặc phương án là trình bày trích lập DPNV trên cơ sở toàn bộ trách nhiệm cam kết trong hợp đồng bảo hiểm gốc thực hiện cùng với điều khoản ký quỹ DPNV trong các hợp đồng tái bảo hiểm. Điều này làm việc hạch toán khá phức tạp, nhưng đã thực hiện thành công ở các nước khác.

Cải tiến việc quản lý trích lập DPNV bảo hiểm thực sự cần thiết theo hướng: kiểm tra, giám sát phải bao quát được các vấn đề cơ bản: Các loại DPNV mà loại DNBH phải trích lập, phương pháp trích lập và cơ sở trích lập; Thống nhất với các chuẩn mực

quốc tế; Hạn chế rủi ro lập DP thiếu; Ngăn chặn tình trạng sử dụng DP để điều chỉnh kết quả kinh doanh của DNBH; Tăng cường tính chủ động của DNBH trong việc lựa chọn phương pháp tính DP.

4.6. Hoàn thiện chế độ báo cáo tài chính (BCTC)

- Việc lập, kiểm toán BCTC của các DNBH còn thiếu tính thống nhất. Mỗi DNBH trình bày BCTC theo cách khác nhau. Các DNBH trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 150/2001/QĐ- BTC về Chế độ kế toán DNBH nhưng các chỉ tiêu trình bày vẫn khác nhau. Đối với Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền, một số trình bày theo Chế độ kế toán doanh nghiệp mới theo (Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC), có DNBH trình bày theo Quyết định 150/2001/QĐ- BTC. Việc trình bày các khoản mục khác nhau khiến cho việc tính toán, so sánh các chỉ tiêu trên báo cáo rất khó khăn, thậm chí không thực hiện được.

- Để phục vụ cho việc phân tích tài chính, cần phải có những quy định cải tiến việc lập BCTC của các DNBH. Cụ thể, DNBH phải lập BCTC theo tinh thần: Không được thêm bớt các chỉ tiêu trên báo cáo, chỉ tiêu nào không có số liệu thì bỏ trống và phải nộp cả bản điện tử cùng với báo cáo; Các thông tin trong Báo cáo nghiệp vụ được đưa vào Thuyết minh BCTC; DNBH phải tự tính toán các tỷ số tài chính mà Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm sử dụng để phân tích tài chính và trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính các tỷ số này của 5

năm gần nhất (phần “Một số chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp”).

- Kiểm toán viên của công ty kiểm toán phụ trách kiểm toán DNBH phải có kinh nghiệm và kiến thức về bảo hiểm và được Bộ Tài chính phê chuẩn.

- Các tiêu chuẩn so sánh quốc tế cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và nên được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện TTBHVN cũng như khuôn khổ kế toán VN.

- Cần sớm xử lý tình trạng các DNBH được sở hữu chi phối bởi các Tập đoàn, tổng công ty. Một mặt để đảm bảo hiệu lực của các quy định về sở hữu vốn có giới hạn của một nhà đầu tư trong DNBH. Mặt khác đảm bảo tránh những rủi ro đổ vỡ dây chuyền làm ảnh hưởng đến NDBH.

5. Kết luận

- Thị trường bảo hiểm VN đang hội nhập sâu vào thị trường bảo hiểm quốc tế nói riêng và thị trường tài chính nói chung thì một hệ thống giám sát cũng cần phải thay đổi để thích ứng với bối cảnh đó.

- Còn nhiều vấn đề đang đặt ra trước yêu cầu hoàn thiện: hệ thống quy định quản lý tài chính, chỉ tiêu giám sát tài chính, chế độ kế toán, hệ thống báo cáo tài chính DNBH sao cho có sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với những điều kiện đặc thù của nền kinh tế và thị trường bảo hiểm ở VN.

- Việc giải quyết những vấn đề trên là không thể tách rời với giải pháp nâng cao năng lực của hệ thống quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước đối với DNBH. Bên cạnh đó là việc hình thành và củng cố chức năng kiểm

soát nội bộ trong từng DNBH nhằm nâng cao năng lực tự kiểm soát của từng công ty.

- Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu lực cho hệ thống giám sát an toàn tài chính cần nghiên cứu áp dụng mô hình đã được các thị trường bảo hiểm lớn trên thế giới và khu vực áp dụng (RBC, Solvency II,...)⁵ ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tài chính VN, *Thị trường bảo hiểm VN*, Nhà xuất bản Tài chính;
- Chương trình hỗ trợ kỹ thuật châu Âu cho VN (ETV2) (2007), *Báo cáo của Hợp phần 4: Kế toán - Bảo hiểm - ETV2*.
- EC. *Insurance Solvency Study*, Designed and Produced by KPMG's UK, Design Services, May 2002
- Hiệp hội Bảo hiểm VN, *Bản tin Số liệu thị trường bảo hiểm*.
- Hoàng Trần Hậu – Hoàng Mạnh Cừ, (2011), *Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm ở VN*, đề tài khoa học, Học viện Tài chính.
- IAIS *Revised insurance core principles*, Approved in Singapore on 3 October 2003, <http://www.iaisweb.org>.
- Nguyễn Tiến Hùng, Võ Đình Trí (2011), “Giám sát an toàn tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm: Mô hình các thị trường phát triển của thế giới và vấn đề vận dụng ở VN”, *Tạp chí Tài chính – Marketing*.
- Văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn hiện hành lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

⁵ Nguyễn Tiến Hùng, Võ Đình Trí (2011), “Giám sát an toàn tài chính đối với DNBH: Mô hình các thị trường phát triển của thế giới và vấn đề vận dụng ở VN”, *Tạp chí Tài chính – Marketing*